

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm tạo việc làm cho ngư dân ven biển miền Trung

PHẠM THANH KHIẾT

Các tỉnh duyên hải miền Trung từ Quảng Bình đến Khánh Hòa có diện tích 5.091.800 ha, trong đó đất nông nghiệp 747.100 ha, đất lâm nghiệp 2.094.700 ha, đất chuyên dùng 382.100 ha, đất ở 46.200 ha. Đến hết năm 2003, dân số 9.428.500 người, trong đó nam 4.616.600 người, nữ 4.711.700 người. Khu vực thành thị 2.563.900 người, nông thôn 6.764.600 người¹.

Khu vực ven biển miền Trung đang hình thành, phát triển hệ thống đô thị với sự tập trung dân cư khá lớn. Đây là vùng có vị trí, vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội, và an ninh quốc phòng.

Trong quá trình thực hiện đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nhất là CNH, HĐH công nghiệp, nông thôn, các tỉnh ven biển miền Trung đã đạt được những thành tựu đáng kể. Giai đoạn 1996-2000 tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,5%GDP/năm. Giai đoạn 2001-2004 đạt 8,5%GDP/năm (cao hơn mức tăng của cả nước 7,2%).

Năm 2004, kinh tế các tỉnh ven biển miền Trung phát triển khá cao. Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đạt trên 10%, trong đó thành phố Đà Nẵng 13,3%, Thừa Thiên - Huế 9,1%, Quảng Nam 11,5%, Phú Yên 11,2%, các tỉnh Quảng Trị, Quảng Bình, Khánh Hòa đạt trên 10%². Các ngành nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp, dịch vụ phát triển khá, tăng trưởng cao. Kim ngạch xuất khẩu tăng 20%, thành phố Đà Nẵng năm 2004 đạt giá trị xuất khẩu 400 triệu USD. Thu ngân sách tăng khá, năm 2004 có 3 tỉnh thuộc duyên hải miền Trung đạt 1000 tỷ đồng trở lên là thành phố Đà Nẵng, Khánh Hòa, Thừa Thiên - Huế.

Cơ cấu kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Công nghiệp đang phát triển mạnh, nhiều khu, cụm công nghiệp hình thành, thu hút và giải quyết việc làm khá lớn cho người lao động. Thu nhập và đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Tuy nhiên so với hai đầu đất nước, các tỉnh ven biển miền Trung vẫn còn là khu vực chậm phát triển. Cơ cấu kinh tế nặng về thuần nông, mất cân đối, phân công lao động chưa phát triển, nhất là khu vực ven biển.

I. THỰC TRẠNG CƠ CẤU KINH TẾ KHU VỰC VEN BIỂN CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

Các tỉnh miền Trung có bờ biển dài hơn 1000 km. Đây là vùng đất hẹp nhất nước nên diện tích vùng ven biển rất nhỏ, chỉ chiếm 1/4 so với tổng diện tích toàn vùng. Tuy nhiên ở đây lại tập trung một qui mô dân số khá lớn, chiếm 2/3 dân số toàn vùng.

Về cơ cấu kinh tế, vùng này vẫn là nông nghiệp, ngư nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, nhưng trong từng lĩnh vực có sự khác nhau.

1. Cơ cấu ngành, lĩnh vực kinh tế

• Nông nghiệp.

- Ngành trồng trọt.

Đến năm 2002, tổng diện tích đất nông nghiệp của các tỉnh ven biển miền Trung là 747.100 ha, thì diện tích đất nông nghiệp vùng ven biển dưới 100.000 ha. Đất ở vùng ven biển độ màu thấp, chủ yếu là đất pha cát, đất nhiễm mặn, vì vậy không thuận lợi cho ngành trồng trọt lương thực. Hiện tại có

Phạm Thanh Kiệt, Pgs, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phân viện Đà Nẵng.

một phần diện tích đất trồng lúa ở ven sông các vùng đồng bằng ven biển, một phần diện tích ở các vùng gò đồi cát trồng khoai, sắn, cây ăn quả, cây lương thực. Nhìn chung, ngành trồng trọt lương thực ở ven biển miền Trung có năng suất, hiệu quả thấp, tự cung tự cấp là chính.

- Ngành chăn nuôi.

Chăn nuôi chủ yếu trong các hộ gia đình gắn với ngành trồng trọt. Đối với ngư dân nghề biển, chăn nuôi lợn tập trung vào những hộ gia đình chế biến thủy sản. Một bộ phận dân cư ven biển chăn nuôi trâu, bò dùng làm sức kéo, chăn nuôi dê và các loại gia cầm quy mô nhỏ, chủ yếu tự cung tự cấp.

Một số nơi nuôi gà công nghiệp, nuôi chim cút, nuôi vịt đàn nhưng vài năm gần đây do ảnh hưởng dịch cúm gia cầm nên bị thu hẹp đáng kể.

- Ngành thủy sản.

Thủy sản là ngành truyền thống của ngư dân ven biển miền Trung, ngày nay được Nhà nước xác định là một ngành kinh tế mũi nhọn trong cơ cấu kinh tế chung của nền kinh tế. Ngành thủy sản ở miền Trung có sự phát triển đáng kể.

+ Về nuôi trồng thủy sản.

Biển và ven biển miền Trung có nhiều cửa sông, vũng vịnh, đầm phá có thể nuôi trồng thủy sản cả nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

BIỂU 1: Diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản phân theo địa phương

(Đơn vị tính: 1000 ha) ³

	1995	2000	2001	2002	2003
Quảng Bình	0,6	1,4	1,6	2,0	2,7
Quảng Trị	0,7	0,9	1,1	1,2	1,4
Thừa Thiên - Huế	1,5	2,7	3,6	3,9	3,6
Đà Nẵng	0,5	0,7	0,7	0,8	0,6
Quảng Nam	4,3	5,9	5,2	5,6	6,0
Quảng Ngãi	0,4	0,5	0,8	1,3	1,3
Bình Định	3,8	3,7	4,2	4,1	4,2
Phú Yên	0,9	2,8	3,1	2,7	2,6
Khánh Hòa	3,7	4,6	5,1	6,0	5,7
<i>Cộng</i>	<i>16,7</i>	<i>23,2</i>	<i>25,4</i>	<i>27,6</i>	<i>28,1</i>

Biểu 1 cho thấy, từ năm 1995-2003 các tỉnh ven biển miền Trung đã tăng diện tích nuôi trồng thủy sản năm sau cao hơn năm trước. Năm 1995 diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản 16.400 ha, đến năm 2003 tăng lên 28.100 ha.

Những năm gần đây, phong trào nuôi tôm trên cát ở các tỉnh miền Trung phát triển mạnh, đã có hàng ngàn ha đất cát được sử dụng nuôi tôm đạt năng suất cao. Nhiều hộ đã làm giàu nhờ nuôi tôm trên cát.

+ Về khai thác thủy sản.

Sản lượng khai thác thủy sản ở các tỉnh ven biển miền Trung ngày càng tăng và chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng thủy sản cả nước.

BIỂU 2: Sản lượng thủy sản phân theo địa phương Đơn vị tính: tấn ⁴

Địa phương	1995	2000
<i>Cả nước</i>	<i>1.584.361</i>	<i>2.794.569</i>
Quảng Bình	13.076	26.506
Quảng Trị	7.622	14.696
Thừa Thiên - Huế	12.186	24.088
Đà Nẵng	18.920	35.690
Quảng Nam	25.333	45.854
Quảng Ngãi	38.500	79.193
Bình Định	59.822	90.099
Phú Yên	21.928	34.660
Khánh Hòa	59.087	68.840
<i>Cộng</i>	<i>256.484</i>	<i>419.616</i>

Biểu 2 cho thấy, sản lượng thủy sản ở các tỉnh miền Trung tăng từ 256.484 tấn năm 1995 lên 419.616 tấn năm 2003, chiếm 18% tổng sản lượng thủy sản cả nước.

Lĩnh vực khai thác thủy sản đã trang bị thêm phương tiện, máy móc, tàu thuyền. Số tàu có công suất lớn được tăng lên, nhiều địa phương thực hiện chương trình đánh bắt xa bờ, khai thác cá ngừ đại dương có hiệu quả như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa. Ước tính đến năm 2004, số lượng tàu đánh bắt cá có từ 20cv/chiếc trở lên ở các tỉnh ven biển miền Trung khoảng 25.000 chiếc. Trong đó, một số tỉnh có số lượng tàu nhiều như Bình Định 5.900 chiếc, tổng công suất 230.200cv, Quảng Nam 3450 chiếc và 66.000cv, Đà Nẵng 2023 chiếc và 71.500cv, Quảng Ngãi có 400 chiếc công suất từ 45cv/chiếc trở lên và hàng nghìn tàu công suất từ 20-30cv/chiếc.

• Công nghiệp.

Từ Quảng Bình đến Khánh Hòa đã xây dựng 13 khu công nghiệp tập trung dọc theo bờ biển, thu hút và tạo việc làm cho hàng nghìn lao động. Trong đó có nhiều khu công nghiệp lớn như: Phú Bài, Chân Mây, Liên Chiểu - Hòa Khánh, Điện Nam-Điện Ngọc, Chu Lai, Dung Quất, Nhơn Hội.... Ngoài ra có nhiều cụm, khu công nghiệp nhỏ ở các địa phương.

Đến nay có hơn 25 nhà máy chế biến thủy sản, tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động và hàng nghìn cơ sở chế biến thủ công, hộ gia đình.

Nghề chế biến thủy sản truyền thống ở ven biển miền Trung phong phú, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng tốt như: nghề làm nước mắm, mắm tôm, mắm cá, mắm mực, cá khô, tôm khô, tép khô....

Công nghiệp đóng, sửa chữa tàu thuyền: các tỉnh miền Trung có 2 nhà máy đóng tàu lớn, thu hút hàng nghìn lao động và 13 xưởng đóng tàu nhỏ ở các địa phương cùng với một số cơ sở sửa chữa tàu thuyền tập trung ở Khánh Hòa, Bình Định, Quảng Ngãi, Đà Nẵng. Riêng thành phố Đà Nẵng

có 6 cơ sở, năng lực đóng mới 120 chiếc/năm, công suất lên đến 500cv. Năm 2004 đóng 20 chiếc, nâng cấp 50 chiếc công suất từ 90cv trở lên, sửa chữa 2500 lượt chiếc/năm.

Ven biển miền Trung còn có một số loại tài nguyên khoáng sản làm cơ sở cho việc phát triển công nghiệp khai thác, chế biến. Đã có xí nghiệp khai thác cát thủy tinh ở Khánh Hòa, xí nghiệp khai thác cát thủy tinh và Ilmenit ở Quảng Nam, xí nghiệp khai thác Ti-tan, khai thác nước khoáng ở Bình Định.

• Dịch vụ.

Hệ thống dịch vụ cảng biển. Từ Quảng Bình đến Khánh Hòa có 18 cảng biển, trong đó có 6 cảng lớn hoạt động dịch vụ tổng hợp thu hút hàng vạn lao động.

Dịch vụ hậu cần nghề cá được đầu tư nâng cấp, phát triển cơ sở sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ cung ứng vật tư, cơ sở thu mua, chế biến, xây dựng hệ thống trại giống, chế biến thức ăn nuôi tôm....

Dịch vụ du lịch bước đầu phát triển. Nhiều tỉnh đã tổ chức phát triển mạnh du lịch biển, du lịch sinh thái như Khánh Hòa, Quảng Nam, Đà Nẵng.

Dịch vụ thương mại, dịch vụ ăn uống có phát triển nhưng quy mô nhỏ, tự phát.

2. Cơ cấu các thành phần kinh tế

- Kinh tế nhà nước bao gồm hệ thống doanh nghiệp nhà nước trong các ngành công nghiệp, thủy sản, dịch vụ, cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng như: giao thông, năng lượng, thông tin liên lạc, ngân hàng....

- Kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã cơ khí sửa chữa, hợp tác xã cung ứng tiêu thụ, hợp tác xã đánh bắt thủy sản, hợp tác xã dịch vụ hậu cần....

- Kinh tế tư nhân ở ven biển tồn tại dưới dạng chủ cơ sở đóng tàu thuyền, chủ các đội tàu đánh bắt thủy sản, chủ các cơ sở chế biến hoặc dịch vụ nghề cá. Loại hình này phát triển chưa nhiều.

- Kinh tế cá thể, tiểu chủ dưới dạng hộ gia đình, trang trại. Hiện nay loại hình này hoạt động nhiều trong lĩnh vực nuôi trồng, khai thác, chế biến thủy sản, làm dịch vụ buôn bán, dịch vụ hậu cần. Đặc biệt đã xuất hiện nhiều trang trại và hộ gia đình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả, nhất là nuôi tôm trên cát.

- Thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ở ven biển còn ít ỏi, quy mô nhỏ, chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ.

3. Cơ cấu vùng kinh tế

Khu vực ven biển miền Trung có thể phân thành 2 vùng:

- Vùng mặt nước biển. Biển miền Trung có diện tích mặt nước thuộc lãnh hải khu vực rất lớn, chiếm 1/3 tổng diện tích mặt nước biển cả nước. Tuy trữ lượng thủy sản không nhiều nhưng nhiều loại có giá trị kinh tế cao. Vùng mặt biển được chia hai khu vực: khu vực ven bờ và khu vực khơi xa - đại dương.

- Vùng bờ biển, nơi tập trung dân cư và lao động lớn, với vị trí địa lý thuận lợi có thể phát triển các ngành kinh tế tổng hợp. Hiện nay, các ngành công nghiệp, dịch vụ, thương mại đang hoạt động có hiệu quả.

4. Nhận xét chung về cơ cấu kinh tế vùng ven biển miền Trung

• Thành tựu.

- Cơ cấu các ngành bước đầu có sự chuyển dịch đúng hướng. Đã gắn sản xuất nông nghiệp với phát triển ngành nghề, dịch vụ, nuôi trồng, chế biến thủy sản. Nhiều nơi đã chuyển một số diện tích đất nhiễm mặn sang nuôi trồng thủy sản. Tận dụng vùng đất cát để nuôi tôm công nghiệp, từ đó các dịch vụ hậu cần phát triển như: sản xuất nước đá, cung cấp nhiên liệu, sản xuất thức ăn nuôi tôm, xây dựng các chợ thủy sản....

Ngành thủy sản đã chuyển từ nuôi quảng canh sang thâm canh, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ mới. Phát triển nuôi trồng ở các vùng nước mặn, nước lợ, nước ngọt và trên cát. Chuyển mạnh theo hướng đánh bắt xa bờ,

khai thác cá ngừ đại dương với các phương tiện hiện đại. Bước đầu gắn được nuôi trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ thành chu trình khép kín trong ngành thủy sản.

Các khu công nghiệp, các ngành dịch vụ được xây dựng, phát triển hầu hết các tỉnh đã tác động mạnh mẽ đến nông nghiệp, nông thôn, góp phần phá vỡ tính tự túc, khép kín, phân công lao động xã hội theo hướng sản xuất hàng hóa. Nhiều hộ gia đình, một số ngành nghề truyền thống đã trở thành vệ tinh của các nhà máy, xí nghiệp. Một bộ phận diện tích đất nông nghiệp được chuyển sang trồng rau quả cung cấp cho các thành phố, các khu công nghiệp.

Du lịch dịch vụ phát triển tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa cho nhân dân ven biển góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng khai thác tiềm năng, lợi thế mỗi vùng bảo đảm sự phát triển bền vững.

Nhiều tỉnh đã chuyển hướng mạnh về du lịch biển gắn với bảo vệ môi trường sinh thái như Khánh Hòa tập trung đầu tư khai thác các đảo, các tua du lịch biển. Quảng Nam gắn chặt chẽ tiềm năng du lịch đô thị cổ Hội An với du lịch sinh thái biển đảo Cù Lao Chàm. Thành phố Đà Nẵng quy hoạch quần thể du lịch Sơn Trà-Non Nước gắn với xây dựng con đường du lịch Sơn Trà-Non Nước-Hội An. Di chuyển các nhà máy, xí nghiệp lên khu công nghiệp Liên Chiểu-Hoà Khánh.

- Các thành phần kinh tế được phát triển năng động, khai thác các nguồn lực về vốn, lao động, đất đai, mặt nước ao hồ phát triển ngành nghề tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội.

Kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, chi phối mạnh mẽ quá trình CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Nhà nước đã đầu tư nguồn vốn lớn cho việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và kết cấu hạ tầng, xây dựng các công trình, nhà máy, các khu công nghiệp, hệ thống dịch vụ cảng biển, du lịch, thương mại... bảo đảm sự điều tiết nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Các thành phần kinh tế phát triển năng động dưới nhiều hình thức, đặc biệt là kinh tế hộ, kinh tế trang trại. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu là của cá nhân, gia đình chiếm 70-80%, vay mượn người thân, vay ngân hàng khoảng 20-30%. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực kinh tế ngoài nhà nước đã thu hút và tạo việc làm khá lớn cho người lao động ở khu vực nông thôn, ven biển, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, tỷ suất hàng hóa được nâng lên, tích chất thị trường được hình thành rõ nét. Nhu cầu về vốn, lao động, đất đai, dịch vụ và tư liệu sản xuất tăng lên, đòi hỏi xã hội phải cung cấp, phải đáp ứng. Nên kinh tế hàng hóa nhiều thành phần thúc đẩy thị trường phát triển theo hướng thông thoáng, năng động làm tăng thêm nhiều mối quan hệ về kinh tế, xã hội, đồng thời cơ chế thị trường cũng sàng lọc khắc khe, đòi hỏi chất lượng hàng hóa, dịch vụ ngày càng cao. Đó là một trong những động lực thúc đẩy kinh tế, xã hội phát triển.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật và kết cấu hạ tầng khu vực ven biển được phát triển một bước, tạo môi trường cho phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân.

Tỉnh Quảng Nam thực hiện các dự án 773, các dự án nuôi tôm công nghiệp đã xây dựng những khu tập trung ở Hội An, Duy Xuyên, Núi Thành, xây dựng 4 cảng cá ở Hội An, Cù Lao Chàm, Núi Thành, Tam Kỳ. Xây dựng các nhà máy chế biến thủy sản ở Núi Thành, Điện Nam-Điện Ngọc tạo điều kiện thu hút đầu tư phát triển ngành thủy sản.

Thành phố Đà Nẵng đã xây dựng 6 cơ sở đóng tàu thuyền, 15 cơ sở sản xuất nước đá. Xây dựng cảng cá Thuận Phước có năng lực bốc dỡ 45.000 tấn/năm. Xây dựng Âu thuyền Thọ Quang để trú bão qui mô 64 ha và hạ tầng dịch vụ thủy sản 60 ha. Hệ thống giao thông được chỉnh trang, nâng cấp, mở rộng.

Tỉnh Khánh Hòa đầu tư nâng cấp các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá, xây dựng chợ cá thu mua thủy sản.

Tỉnh Bình Định đầu tư nâng cấp các cảng cá, xây dựng các trại giống và cơ sở chế biến

thức ăn nuôi tôm, xây dựng các cơ sở đóng, sửa chữa tàu thuyền, nâng cấp hệ thống giao thông đường biển từ Bắc đến Nam và các đường xương cá từ biển nối với quốc lộ I.

Những điều kiện vật chất, kỹ thuật góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ven biển theo hướng CNH, HĐH.

- Quan hệ sản xuất ở nông thôn ven biển được từng bước củng cố, hoàn thiện, đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện, nâng cao.

Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, liên kết, dẫn dắt các thành phần kinh tế khác theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các thành phần kinh tế khác phát triển ổn định dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

Nhờ thực hiện các chương trình phát triển kinh tế thủy sản, các dự án phát triển kết cấu hạ tầng ven biển, các chính sách đầu tư, chính sách xóa đói, giảm nghèo, đến nay bộ mặt nông thôn có sự thay đổi, đời sống nhân dân được cải thiện, nâng cao. Tỷ lệ hộ nghèo giảm, tỷ lệ hộ giàu tăng lên, nhiều hộ gia đình nhờ nuôi trồng thủy sản mà giàu lên nhanh chóng. Số hộ dân mua sắm tư liệu sinh hoạt đất tiền tăng lên. Tình hình chính trị, xã hội ổn định. Nhân dân tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

• Hạn chế.

- Cơ cấu kinh tế ngành chuyển dịch chậm. Ngành nông, lâm, thủy sản còn chiếm tỷ trọng lớn, xấp xỉ 80%. Các ngành công nghiệp, dịch vụ còn nhỏ bé.

Thủy sản là ngành mũi nhọn của vùng biển nhưng cơ cấu ngành còn hạn chế. Ngành khai thác còn chiếm tỷ trọng lớn. Trong khai thác thì tập trung trong lồng, gàn bờ, ra khơi đánh bắt xa bờ còn hạn chế. Phương tiện kỹ thuật thăm dò định vị, thông tin còn lạc hậu. Tàu thuyền công suất thấp, công cụ đánh bắt thủ công, lạc hậu nên hiệu quả thấp. Việc đa dạng hóa các phương tiện khai thác còn hạn chế, chủ yếu theo lối truyền thống.

Công nghiệp chế biến còn ít, công nghệ lạc hậu, chưa tạo ra nhiều loại sản phẩm đa dạng, nhất là sản phẩm cho tiêu dùng nội

địa. Các ngành nghề truyền thống còn nhỏ lẻ, tự phát, kỹ thuật thủ công, chất lượng sản phẩm chưa cao, còn ở dạng tự cung tự cấp là chính.

- Các thành phần kinh tế tuy có năng động nhưng còn phân tán, rời rạc, tự phát, chưa gắn kết chặt chẽ với nhau trong một cơ cấu thống nhất. Chưa có quan hệ gắn bó giữa nuôi trồng, khai thác, chế biến, tiêu thụ, giữa sản xuất với lưu thông. Mối quan hệ giữa nhà nông, ngư, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, Nhà nước còn rời rạc, ngẫu nhiên. Những người nuôi trồng, khai thác thủy sản bán sản phẩm chủ yếu ở thị trường tự do nên độ rủi ro cao, bị tư nhân ép giá. Các nhà máy thu mua sản phẩm qua đầu nậu trung gian nên chi phí tăng lên. Nhà nước thiếu cơ chế, chính sách, tổ chức, chỉ đạo chưa chặt chẽ nên hoạt động của các thành phần kinh tế còn tự phát.

- Cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng khu vực ven biển còn nhiều hạn chế.

Hệ thống dịch vụ hậu cần, kho tàng, bến bãi còn bất cập, yếu kém. Kỹ thuật phòng chống dịch bệnh còn hạn chế. Cơ sở cung ứng vật tư, nguyên, nhiên liệu và thu mua sản phẩm chưa được hình thành đồng bộ gắn với các vùng nuôi trồng, khai thác và sản xuất lớn.

Hệ thống điện, đường, trường, trạm, thông tin liên lạc yếu kém. Hầu hết vùng ven biển, đường giao thông cấp phối, đường đất đi lại giao lưu khó khăn.

- Phần lớn dân cư có đời sống khó khăn, thiếu việc làm.

Vùng biển có số lượng và mật độ dân số lớn, trong khi đó ngành nghề chưa phát triển. Hoạt động của ngành thủy sản còn khó khăn, vốn đầu tư lớn, độ rủi ro cao. Đại bộ phận dân cư thiếu việc làm, thu nhập thấp, tích lũy ít, không có vốn đầu tư. Điều này tạo nên vòng luẩn quẩn khó có lối ra.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ven biển chưa gắn với sự phát triển bền vững.

Việc khai thác, đánh bắt bờ bãi, gần bờ, đánh bắt bằng lưới mắt nhỏ, bằng các chất

nổ... làm cho các loại sinh vật biển bị tiêu diệt, làm cạn kiệt các loài thủy sản quý hiếm.

Việc nuôi trồng thủy sản tự phát, thiếu quy hoạch, nuôi trồng trên cát, phá rừng ngập mặn để nuôi tôm làm phá vỡ môi trường tự nhiên, làm cho nguồn nước ngầm bị cạn kiệt, các chất thải không được xử lý gây ô nhiễm môi trường. Hiện tại một số cửa sông, đầm phá, vùng rừng ngập mặn đã bị ô nhiễm làm hủy diệt nhiều loài thủy sinh.

Tình trạng thiếu việc làm, đói kém là mầm mống cho các tiêu cực và tệ nạn xã hội xảy ra gây mất ổn định chính trị, xã hội.

II. GIẢI PHÁP CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VEN BIỂN CÁC TỈNH MIỀN TRUNG

1. Tiến hành quy hoạch lại vùng biển

Vùng ven biển có diện tích mặt nước biển và vùng bờ biển. Vùng này chưa được quy hoạch chi tiết, cụ thể. Vì vậy phải quy hoạch cho phù hợp với quy hoạch chung của cả khu vực miền Trung, đồng thời làm cơ sở cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Đối với vùng mặt nước biển, quy hoạch vùng gần bờ để hạn chế đánh bắt mà bảo tồn, nuôi dưỡng các nguồn lợi thủy sản là chính, nhất là phải quy hoạch lại hệ thống vũng, vịnh, đầm phá để nuôi trồng thủy sản gắn với đặc điểm từng vùng. Vùng biển khơi dành cho các đội tàu lớn, các hợp tác xã khai thác những loại thủy sản có giá trị kinh tế cao, phục vụ cho xuất khẩu.

Khu vực bờ biển, cần điều tra, quy hoạch lại diện tích đất đai, mặt nước ao hồ. Chuyển một số diện tích trồng lương thực ít hiệu quả, diện tích bị nhiễm mặn sang nuôi trồng thủy sản. Quy hoạch, giữ gìn, phát triển rừng đước, rừng ngập mặn ở cửa sông bảo vệ môi trường sinh thái. Quy hoạch diện tích đất cát hợp lý cho sản xuất công nghiệp, nuôi tôm công nghiệp mà không ảnh hưởng đến môi trường. Xây dựng các vành đai xanh, trồng rừng, trồng cây chắn gió chống sa mạc hóa vùng biển.

Công tác quy hoạch phải đảm bảo kết hợp giữa các ngành nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và thủy sản, tạo điều kiện để thu hút và giải quyết việc làm cho dân cư ven biển.

2. Xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng

Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ven biển thì xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và kết cấu hạ tầng là rất quan trọng.

Phát triển các trung tâm kỹ thuật nghiên cứu, lai tạo, chọn nhân giống các loại thủy sản, xây dựng các cơ sở sản xuất giống, chế biến thức ăn cho nuôi trồng thủy sản, các cơ sở phòng chống dịch bệnh. Xây dựng các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá đồng bộ, đều khắp các địa phương, nhất là những vùng trọng điểm về nuôi trồng, khai thác, đánh bắt thủy sản. Xây dựng thêm nhà máy chế biến công nghệ hiện đại ở các tỉnh Phú Yên, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Quảng Trị, Quảng Bình. Đồng thời đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, đáp ứng được tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Phát triển mạng lưới giao thông đều khắp ở ven biển các tỉnh, đầu tư nâng cấp các con đường đất ở nông thôn. Phát triển và mở rộng mạng lưới đường xương cá từ quốc lộ I xuống biển trong từng huyện theo hướng kiên cố. Trên cơ sở đó đưa điện về nông thôn, tiến tới điện khí hóa toàn bộ vùng biển, tạo điều kiện cho mở mang ngành nghề, phát triển kinh tế, xã hội. Xây dựng các trung tâm bưu điện, chợ, cửa hàng, trường học vùng ven biển. Đây là vấn đề khó khăn, lâu dài, đòi hỏi nguồn vốn lớn, tùy vào điều kiện mỗi địa phương mà có phương thức khai thác, phát triển khác nhau, nhưng ở vùng biển thì Nhà nước phải dùng ngân sách để đầu tư trước mới có thể huy động vốn của nhân dân, của các thành phần kinh tế, của nước ngoài để phát triển kết cấu hạ tầng.

3. Thu hút đầu tư, mở rộng thị trường trong và ngoài nước

Để chuyển dịch cơ cấu kinh tế tạo việc làm cho dân cư ven biển cần phải thu hút

đầu tư cả trong nước và ngoài nước.

Một số lĩnh vực có thể thu hút vốn đầu tư trong nước như: xây dựng chợ, trường học, phát triển giao thông nông thôn... Các lĩnh vực có thể huy động vốn nước ngoài như: xây dựng nhà máy chế biến thủy sản, các dự án nuôi trồng thủy sản, nhà máy đóng tàu, các cơ sở du lịch, dịch vụ, chương trình nước sạch ở nông thôn ven biển.

Để huy động các nguồn vốn đầu tư phải có cơ chế, chính sách phù hợp với khu vực, với cả nước, đồng thời có sức hấp dẫn các nhà đầu tư. Nhà nước phải đầu tư ngân sách, các ngành kinh tế của trung ương đầu tư tạo môi trường năng động để thu hút các thành phần kinh tế khác đầu tư. Phải xây dựng các chương trình, dự án có tính khả thi để thu hút vốn đầu tư, nhất là vốn nước ngoài. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng gọn nhẹ, một cửa, giảm thủ tục phiền hà, tạo ra sự cởi mở, thông thoáng, thuận lợi cho các nhà đầu tư.

Mở rộng thị trường trong và ngoài nước để tiêu thụ sản phẩm. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế có nghĩa là tạo ra nhiều nghề mới, thu hút lao động giải quyết việc làm, tạo ra nhiều sản phẩm, vì vậy phải có thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Trước hết, cần mở rộng thị trường trong nước, nhất là thị trường khu vực miền núi, Tây Nguyên, các đô thị và các khu công nghiệp. Vùng ven biển có thể trồng hoa, rau quả cung cấp cho các đô thị, các khu công nghiệp. Đặc biệt hàng thủy sản là hàng tiêu dùng thiết yếu ở mọi vùng, các loại hàng như nước mắm, cá khô, muối... có nhu cầu cao và được ưu chuộng ở vùng núi, Tây Nguyên.

Đối với thị trường nước ngoài, cùng với việc mở rộng thị phần ở các thị trường lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản cần phát triển ra nhiều khu vực khác như châu Phi, Mỹ - Latinh. Đa dạng hóa các mặt hàng đồng thời nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu. Vùng biển có thể sản xuất nhiều mặt hàng như đồ gỗ, thêu ren, mây tre, chiếu cói, dệt thảm, vỏ trai, sò... đồng thời tạo thêm

nhiều mặt hàng thủy sản chủ lực xuất khẩu sang các nước.

Để mở rộng thị trường, phải tổ chức, sắp xếp và đầu tư phát triển ngành nghề. Khuyến khích phát triển các nghề truyền thống, cải tiến đổi mới công nghệ cho ngành thủy sản. Có kế hoạch và chương trình tiếp thị, giới thiệu sản phẩm, đặt mối quan hệ chặt chẽ giữa sản xuất và tiêu dùng, tổ chức mạng lưới chế biến, bảo quản, vận chuyển, lưu thông, phân phối sản phẩm đồng bộ. Đối với thị trường nước ngoài, cần có chương trình marketing và chiến lược thị trường bài bản. Quảng bá, giới thiệu sản phẩm, đồng thời tăng cường quan hệ buôn bán trên mạng. Cần đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, tạo thương hiệu cho các sản phẩm nổi tiếng ở miền Trung như: áo dài Hội An, mộc Kim Bồng, nước mắm Nam Ô, mắm tôm Huế, và các loại sản phẩm khác. Thị trường mở rộng sẽ thúc đẩy sản xuất phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tiến bộ.

4. Phát triển các thành phần kinh tế

Thực hiện nhất quán chính sách phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần nhưng ở khu vực ven biển cần vận dụng cho phù hợp.

Thành phần kinh tế nhà nước chỉ tập trung trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, các dịch vụ công, một số xí nghiệp cơ khí, chế biến thủy sản. Còn lại các thành phần kinh tế khác làm.

Kinh tế hợp tác xã nên phát triển trong một số dịch vụ hậu cần nghề cá, đóng tàu, thuyền công suất vừa, nhỏ như một số tỉnh đã làm. Phát triển các loại hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã vận tải, hợp tác xã dệt thảm, thêu ren, mây tre, hợp tác xã đánh bắt thủy sản.

Kinh tế tư nhân phát triển trong các lĩnh vực đóng tàu, sửa chữa tàu biển, trong nuôi trồng, khai thác thủy sản, chế biến, xuất khẩu.

Phát triển kinh tế cá thể, tiểu chủ dưới dạng kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại. Hộ gia đình chuyên canh trồng hoa, trồng

rau quả, hộ gia đình đánh bắt, chế biến thủy sản, hộ gia đình chế biến thủy sản kết hợp chăn nuôi lợn, hộ gia đình khai thác kiêm nghề tiểu thủ công nghiệp, hộ gia đình kết hợp nông nghiệp với ngư nghiệp. Khuyến khích phát triển trang trại chăn nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản. Tận dụng mặt nước ao hồ, cửa sông, đầm vịnh, diện tích đất cát ven biển để nuôi trồng thủy sản, nuôi tôm công nghiệp.

Để tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển, Nhà nước có cơ chế, chính sách cởi mở, thông thoáng. Miễn giảm thuế 5 năm đầu cho việc tận dụng mặt nước ao hồ, đất đai, đầm vịnh để nuôi trồng thủy sản. Cho vay vốn để thực hiện các chương trình, dự án, mua sắm công cụ, tàu thuyền, đầu tư nuôi trồng thủy sản. Khó khăn nhất hiện nay ở vùng biển là nhân dân thiếu vốn để đầu tư phát triển ngành nghề, mở rộng sản xuất kinh doanh, vì vậy cần có chính sách tín dụng hợp lý, tạo điều kiện cho nhân dân làm ăn. Thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo hỗ trợ vốn cho các hộ nghèo thông qua Ngân hàng Chính sách để họ phát triển ngành nghề, nuôi trồng thủy sản.

5. Đào tạo nguồn nhân lực

Dân cư ven biển miền Trung có số lượng đông, cơ cấu trẻ nhưng trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn kỹ thuật thấp kém, tỷ lệ lao động được đào tạo thấp hơn các vùng khác, vì vậy phải đào tạo nguồn nhân lực theo một kế hoạch và chiến lược dài hạn.

Trước mắt, cần xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, tiến tới phổ cập giáo dục phổ thông. Hướng lớp trẻ vào học tập ở các trường trung học chuyên nghiệp, các trường đại học; có chính sách thu hút họ về làm việc ở địa phương. Tập trung đào tạo nghề cho người lao động bao gồm: đào tạo công nhân kỹ thuật ở các trường chuyên nghiệp, đào tạo ngành nghề truyền thống ở các làng nghề. Đồng thời đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các ngành, lĩnh vực như: cơ khí, đóng, sửa chữa tàu biển, bưu chính viễn thông, dịch vụ hàng hải, thương

mai, du lịch, bảo hiểm, ngân hàng. Có kế hoạch đào tạo cả ở trong và ngoài nước.

Nhà nước phải đầu tư vốn xây dựng các cơ sở giáo dục, đào tạo. Vùng ven biển cần xây dựng trường cấp I, II đều khắp các xã, trường cấp III ở cụm xã. Khu vực ven biển đông dân nhưng không có trường cấp III, nên hầu hết học sinh chỉ học đến cấp II là bỏ học. Đào tạo và nâng cao trình độ cho đội ngũ thầy, cô giáo ven biển, có chính sách ưu đãi để thu hút thầy, cô giáo giỏi đến vùng này.

Các địa phương ven biển cần có kế hoạch đào tạo và sử dụng nhân lực phù hợp trong các lĩnh vực, ngành nghề; đồng thời tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho công tác giáo dục, đào tạo ở địa phương.

Nhà nước các cấp quan tâm đầu tư vốn cho công tác giáo dục, đào tạo, đồng thời huy động vốn của các thành phần kinh tế, vốn nước ngoài, xã hội hóa công tác giáo dục, đào tạo.

Tăng cường giáo dục, vận động, thuyết phục nhân dân cho con em học tập, đào tạo ngành nghề, xóa bỏ tập quán lạc hậu của dân cư ven biển là chỉ cần có sức khoẻ cơ bắp mà không cần học tập, đào tạo.

Ngày nay vùng biển phải phát triển các ngành kinh tế tổng hợp, xây dựng một cơ cấu kinh tế đa dạng, nếu chất lượng nguồn nhân lực thấp kém thì sẽ không đáp ứng được yêu cầu. Quy cho cùng, nguồn nhân lực là nhân tố cơ bản nhất quyết định trình độ phát triển kinh tế, xã hội của một quốc gia. Ở nước ta, vùng núi, ven biển kinh tế, xã hội kém phát triển hơn khu vực đồng bằng, thành thị, không phải vì thiếu vốn và tài nguyên thiên nhiên mà chủ yếu là thiếu một nguồn nhân lực có chất lượng cao.

6. Hoàn thiện cơ chế quản lý

Cơ chế kinh tế như thế nào thì cơ chế quản lý như thế ấy, tuy nhiên, cơ chế quản lý có tính độc lập tương đối nên có tác động và ảnh hưởng lớn đến việc xác lập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Ở khu vực ven biển cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý theo các hướng sau:

- Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, công cụ quản lý.

Cần tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành luật pháp nói chung nhưng ở vùng ven biển phải nhấn mạnh đến các Luật về Môi trường, Luật Đất đai, Luật Hàng hải, Pháp lệnh Bảo tồn hệ sinh thái biển, Pháp lệnh Bảo vệ rừng ngập mặn, bảo vệ tài nguyên nước....

Khu vực ven biển miền Trung cần sửa đổi cơ chế, chính sách theo hướng thông thoáng, mở cửa hội nhập. Vận dụng cơ chế, chính sách chung của trung ương vào điều kiện miền Trung phù hợp, có hiệu quả, không nên quá cứng nhắc. Cho phép các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất, kinh doanh bất cứ ngành nghề nào mà Nhà nước không cấm. Mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh khu vực và Tây Nguyên, với nước ngoài. Hệ thống chính sách phải hấp dẫn, phù hợp như: chính sách giá cả đất đai, dịch vụ, chính sách khuyến khích thu hút đầu tư ... Điểm yếu nhất của các tỉnh miền Trung là cơ chế, chính sách vừa khép kín, tự túc, vừa phân tán, cục bộ giữa các tỉnh, không tạo ra được thế và lực mạnh cho toàn khu vực nên kém hấp dẫn các nhà đầu tư.

Tổ chức lại hệ thống ngân hàng, các quỹ tín dụng, quỹ đầu tư, hệ thống thuế theo hướng tiến bộ, năng động, chất lượng cao, phù hợp với cơ chế thị trường, tạo môi trường năng động thu hút các nguồn lực phát triển kinh tế, xã hội vùng ven biển.

+ Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước vững mạnh.

Tổ chức, xây dựng bộ máy chính quyền các cấp từ trên xuống dưới, đặc biệt là cấp cơ sở xã, phường, thôn. Chính quyền do dân lập ra vì vậy nó phải thực sự là của dân, do dân và vì dân, luôn chăm lo phục vụ nhân dân, vì hạnh phúc của nhân dân.

Hiện nay ở vùng ven biển trình độ, năng lực của cán bộ chính quyền cấp cơ sở còn hạn chế nên việc quản lý kinh tế, xã hội còn bất cập, khó khăn, thậm chí nảy sinh tiêu cực. Để xây dựng bộ máy quản lý nhà nước vững mạnh cần giải quyết những vấn đề sau:

- Sắp xếp, tổ chức lại cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giảm, gọn nhẹ, có hiệu lực. Cắt bỏ các khâu, lĩnh vực trùng lặp, nhiều đầu mối, thực hiện cơ chế một cửa trong quản lý kinh tế, xã hội - nhất là trong lĩnh vực xét duyệt cho vay vốn, cấp giấy phép đầu tư ... Kiên quyết xóa bỏ các khâu trung gian, các thủ tục hành chính gây phiền hà cho dân.

- Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, trình độ tổ chức, quản lý cho đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp cơ sở. Chuẩn bị đội ngũ cán bộ từ khi còn học phổ thông. Phải có định hướng và có chính sách đào tạo ở các trường chuyên nghiệp, các trường đại học, thu hút về địa phương bố trí vào bộ máy chính quyền. Đào tạo cán bộ cả về lý luận chính trị, bồi dưỡng kiến thức quản lý kinh tế, quản lý nhà nước. Cán bộ là cốt tử của mọi công việc, vì vậy đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ là nhiệm vụ vừa cấp thiết, vừa cơ bản, lâu dài của vùng biển miền Trung.

- Thường xuyên giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, tính tự giác trong công việc. Rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Đội ngũ cán bộ các cấp phải học tập, rèn luyện thấm nhuần lời dạy của Bác là: mỗi cán bộ, đảng viên phải thật sự cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Thực tế cho thấy, ở đâu có đội ngũ cán bộ có trình độ, có năng lực, có phẩm chất đạo đức tốt thì ở đó phong trào vững mạnh, kinh tế, xã hội phát triển. Ngược lại, dù đường lối chính sách đúng đắn nhưng cán bộ yếu kém, suy

thoái về phẩm chất, đạo đức thì ở đó không thể có sự phát triển ổn định. Hiện nay, nạn hối lộ, tệ cửa quyền, tình trạng vôi vữa của một số cán bộ gây mất lòng tin của nhân dân, làm phá vỡ môi trường đầu tư phát triển.

- Giải quyết mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng, chính quyền, các đoàn thể trong một hệ thống chính trị thống nhất. Phải có cơ chế tổ chức kết hợp hài hòa, cộng đồng trách nhiệm trong sự phân công giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và việc tổ chức thực hiện. Tránh việc Đảng làm thay, lấn sân Nhà nước. Bộ máy chính quyền phải triển khai, tổ chức thực hiện đúng sự phân công, không ỷ lại vào Đảng. Phân biệt rõ giữa quản lý nhà nước về kinh tế và quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Đổi mới cơ chế quản lý trên cơ sở hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách và xây dựng bộ máy gọn nhẹ, trong sạch, vững mạnh mới có thể xây dựng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng đắn, hợp lý, khai thác các nguồn lực có hiệu quả./.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Niên giám thống kê 2003, Nxb Thống kê, 2004.
2. Báo Thương mại, số 1+2, 1-10/1/2005, tr12.
- 3.4. Niên giám thống kê 2003, Nxb Thống kê, HN, 2004.
5. Kết quả sơ bộ tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2001. Ban chỉ đạo tổng điều tra, Hà Nội 4-2002. Tư liệu kinh tế, xã hội chọn lọc từ kết quả điều tra của các cuộc điều tra quy mô lớn những năm 1990-1996. Nxb Thống kê, Hà Nội, 1998.